

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 831/QĐ-NHKL ngày 14/04/2020
của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long)

TT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
A	CHUYỂN TIỀN			
I	Chuyển tiền ngoài nước			
1	Chuyển tiền đi bằng điện			
1.1	Phí dịch vụ			
-	Thanh toán trả trước (Chưa có Tờ khai hải quan)	0,2%	5 USD	
-	Thanh toán trả sau (Đã có Tờ khai hải quan)	0,165%	5 USD	
-	Các loại thanh toán khác	0,2%	5 USD	
1.2	Phí phạt chậm bổ sung chứng từ	10 USD/lần gia hạn		
1.3	Phí đóng hồ sơ bất hợp lệ thanh toán trả trước	50 USD/1 hồ sơ		
1.4	Phí ngoài nước (nếu người chuyển tiền chịu thêm phí ngoài nước)			
-	Đối với USD	28 USD/lệnh chuyển tiền		
-	Ngoại tệ khác	Thu theo thực tế phát sinh		
1.5	Tu chỉnh, tra soát, huỷ lệnh chuyển tiền	10 USD/lần (bao gồm điện phí) + phí trả ngân hàng nước ngoài (nếu có)		
2	Nhận tiền chuyển đến bằng điện (nguồn từ nước ngoài)			
2.1	Phí dịch vụ	0,05%	2 USD	100 USD
2.2	Phí tra soát	10 USD (bao gồm điện phí) + phí trả ngân hàng nước ngoài (nếu có)		
2.3	Thoái hồi lệnh chuyển tiền	10 USD (bao gồm điện phí) + phí trả ngân hàng nước ngoài (nếu có)		
B	NHỜ THU NGOÀI NƯỚC			
I	Nhờ thu gửi đến			
1	Nhận và xử lý bộ chứng từ nhờ thu/Tu chỉnh chỉ thị nhờ thu	5 USD		
2	Thanh toán kết quả nhờ thu	0,165%	10 USD	
3	Ký hậu vận đơn/phát hành ủy quyền nhận hàng	2 USD		
4	Phát hành thu bảo lãnh nhận hàng	50 USD		

TT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
5	Từ chối thanh toán nhờ thu nhập khẩu	5 USD + Phí thực tế phát sinh (nếu có)		
6	Tra soát nhờ thu	10 USD		
7	Chuyển tiếp chứng từ nhờ thu cho ngân hàng khác	20 USD + phí thực tế phát sinh (nếu có)		
II	Nhờ thu gửi đi			
1	Gửi nhờ thu đi nước ngoài	Thu bưu phí theo thực tế phát sinh		
2	Thanh toán kết quả nhờ thu			
-	Séc, Hối phiếu	0,2%	10 USD	100 USD
-	Bộ chứng từ nhờ thu	0,15%	10 USD	200 USD
3	Hủy nhờ thu theo yêu cầu của người nhờ thu	15 USD/lần (bao gồm điện phí) + chi phí thực tế phải trả cho ngân hàng nước ngoài (nếu có)		
4	Sửa đổi chỉ thị nhờ thu theo yêu cầu	15 USD/lần (bao gồm điện phí)		
5	Tra soát nhờ thu	10 USD/lần (bao gồm điện phí)		
C	TÍN DỤNG CHỨNG TỪ			
I	Thư tín dụng xuất khẩu			
1	Thông báo/Sơ báo thư tín dụng			
-	Kienlongbank là ngân hàng thông báo trực tiếp	15 USD		
-	Kienlongbank là ngân hàng thông báo thứ nhất	20 USD		
-	Kienlongbank là ngân hàng thông báo thứ hai	Miễn phí		
2	Thông báo tu chỉnh thư tín dụng			
-	Kienlongbank là ngân hàng thông báo trực tiếp	5 USD		
-	Kienlongbank là ngân hàng thông báo thứ nhất	15 USD		
-	Kienlongbank là ngân hàng thông báo thứ hai	Miễn phí		
3	Xử lý bộ chứng từ			
-	Bộ chứng từ xuất trình tại kienlongbank	Miễn phí		
-	Bộ chứng từ đã kiểm tra bản thảo hoặc kiểm tra xong, nhưng khách hàng xuất trình tại ngân hàng khác	20 USD/bộ		
4	Thanh toán bộ chứng từ xuất khẩu	0,15%	10 USD	150 USD
5	Chuyển nhượng thư tín dụng xuất khẩu	0,1%	30 USD	200 USD

TT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
6	Tu chỉnh chuyển nhượng			
-	Tu chỉnh tăng số tiền	0,1%	30 USD	200 USD
-	Tu chỉnh khác	30 USD		
7	Xác nhận thư tín dụng	0,15%/tháng	50 USD	
II	Thư tín dụng nhập khẩu			
1	Phát hành thư tín dụng			
1.1	Ký quỹ 100%	0,05%	20 USD	
1.2	Ký quỹ <100%			
-	Tài sản đảm bảo là sổ tiết kiệm hoặc Giấy tờ có giá do Kienlongbank phát hành (đảm bảo 100% giá trị LC)	0,075%	50 USD	
-	Tài sản đảm bảo là tài sản khác		50 USD	
	+ Số tiền ký quỹ	0,075%		
	+ Số tiền không ký quỹ	0,1%		
1.3	Miễn ký quỹ	0,1%	50 USD	
2	Tu chỉnh thư tín dụng			
2.1	Tu chỉnh tăng số tiền	Như phát hành thư tín dụng		
2.2	Các tu chỉnh khác	20 USD		
3	Ký hậu vận đơn/phát hành ủy quyền nhận hàng	5 USD		
4	Bảo lãnh nhận hàng	50 USD/bảo lãnh		
5	Chấp nhận hối phiếu/chấp nhận thanh toán thư tín dụng trả chậm (phí tính theo ngày)	Tính theo ngày trên cơ sở: 1 năm = 360 ngày, 1 tháng = 30 ngày, từ ngày khách hàng chấp nhận thanh toán đến ngày đáo hạn, tối thiểu 30 ngày		
-	Ký quỹ 100%	0,03%/tháng	50 USD	
-	Ký quỹ <100%	0,08%/tháng	50 USD	
6	Thanh toán thư tín dụng	0,2%	20 USD	
7	Phí bất hợp lệ (thu KH nước ngoài)	50 USD		
8	Hủy thư tín dụng	20 USD + Phí trả ngân hàng nước ngoài (nếu có)		
9	Hoàn trả bộ chứng từ	20 USD + phí thực tế phát sinh (nếu có)		

TT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
10	Phí xử lý chứng từ/bộ chứng từ (thu KH nước ngoài)	30 USD		
11	Phí xuất trình thiếu 01 bộ chứng từ bản copy/bộ chứng từ (thu KH nước ngoài)	10 USD		
D	ĐIỆN PHÍ QUỐC TẾ QUA SWIFT			
-	Phát hành thư tín dụng	20 USD		
-	Phát hành thư bảo lãnh/chuyển nhượng L/C	20 USD		
-	Điện chuyển tiền	5 USD		
-	Điện tu chỉnh L/C	10 USD		
-	Điện khác	10 USD		

Nguyên tắc thu phí:

1. Biểu phí này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.
2. Phí được thu bằng VND theo tỷ giá bán ngoại tệ chuyển khoản niêm yết của Kienlongbank tại thời điểm thu.
3. Các dịch vụ có phát sinh điện phí, bưu phí sẽ thu thêm điện phí, bưu phí theo thực tế phát sinh.
4. Các chi phí thực tế khác như thuế, các chi phí phải trả cho bên thứ ba tham gia dịch vụ (nếu có), sẽ thu theo thực tế phát sinh.
5. Phí dịch vụ và các chi phí khác đã thu sẽ không hoàn lại trong trường hợp khách hàng yêu cầu huỷ dịch vụ.
6. Phí dịch vụ được thu từng lần ngay khi phát sinh, hoặc thu gộp một lần sau khi kết thúc toàn bộ dịch vụ.
7. Đối với những dịch vụ thanh toán quốc tế thực hiện tại ngân hàng khác thông qua Kienlongbank, thu theo phí thực tế phát sinh.
8. Trường hợp có Hợp đồng/Thoả thuận giữa Kienlongbank và khách hàng, hoặc sản phẩm dịch vụ có quy định thu phí riêng, đơn vị thực hiện thu phí theo Hợp đồng/Thoả thuận/Quy định của sản phẩm dịch vụ.